TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:10/2024/HNGĐ-ST Ngày 14/06/2024 V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG, TỈNH LÀO CAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hải Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Chính .

2. Ông Lý Văn Trường.

Thư ký phiên tòa: Ông Giàng Mạnh Vàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 06 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 05 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/QĐST - HNGĐ ngày 24/05/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vàng Thị L.

Địa chỉ: Thôn Th, xã Th, huyện M, tỉnh L. (Có đơn xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Tráng Quáng Ph.

Địa chỉ: thôn Th, xã Th, huyện M, tỉnh L. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 01 năm 2024 và bản tự khai ngày 10/01/2024 nguyên đơn chị Vàng Thị L trình bày: Chị và anh Tráng Quáng Ph lấy nhau năm 2014 và làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 08/04/2014.Trước khi kết hôn anh, chị có tìm hiểu tự nguyện không ai bị ép buộc, thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do hai vợ chồng tính tình không hợp và bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cãi vã nhau trong cuộc sống hàng ngày hai vợ chồng đã ly thân

nhau từ 02/2023 không ai quan tâm đến ai. Vì vậy chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở lên trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Tráng Quáng Ph.

Về con: Trước khi kết hôn anh, chị không ai có con riêng. Sau khi lấy nhau về sinh được ba người con chung là Tráng Thị D, sinh ngày 23/01/2014, cháu Tráng Thị H sinh ngày 24/08/2015 và cháu Tráng Trấn Th sinh ngày 26/11/2019, nguyện vọng của chị nếu được Tòa án giải quyết cho ly hôn chị sẽ nhường quyền cho anh Ph chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cả cháu D, H và cháu Th đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ba cháu mỗi tháng là 500.000/người/tháng tổng cộng ba cháu là 1.500.000 đồng.

Về tài sản: Trước khi kết hôn anh, chị không ai có tài sản riêng. Sau khi lấy nhau về tạo dựng được một số tài sản nhưng chị sẽ tự thỏa thuận với anh Ph ,vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: anh, chị tự thỏa thuận với nhau, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/02/2024 anh Tráng Quáng Ph trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn giữa anh và chị Vàng Thị L là đúng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh có chơi bời nên dẫn đến vợ anh làm đơn ly hôn. Nay chị lập có đơn ly hôn anh có nguyện vọng Toà án hoà giải cho hai vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung và xây dựng cuộc sống gia đình.

Về con: Quá trình chung sống anh chị có ba người con chung như lời trình bày của chị L là đúng, nguyện vọng của anh không muốn ly hôn nếu chị L mà cương quyết ly hôn anh sẽ chăm nom, nuôi dưỡng , giáo dục cả ba cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho các cháu.

Về tài sản và khoản nợ: Anh chị không có tài sản và không nợ ai và cho người khác vay nợ vì vậy không yêu cầu toà án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện viện kiểm sát có ý kiến như sau:

+,Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về công tác xây dựng hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và đã chấp hành đúng các quy định của phiên tòa sơ thẩm, không vi phạm thủ tục tố tụng. Tòa án đã tống đạt cho mẹ của bị đơn Ph hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng bị đơn phìn cố tình không có mặt tại Toà án để tham gia hoà giải. Nên Toà án đã tống đạt cho mẹ bị đơn Ph là bà Sùng Thị D quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn Tráng Quáng Ph vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định ngày xét xử nhưng bị đơn Tráng Quáng ph không có mặt lần thứ hai Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho mẹ của bị đơn theo quy định nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết. Chị vàng Thị L có đơn xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết .

+,Về hướng giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn và những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã giao nộp trong quá trình giải quyết vụ án. Anh Tráng Sồ Q và chị Giàng Seo D lấy nhau vào năm 2014, và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh L. chị và anh đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống hai vợ chồng đã ly thân nhau. Trước khi kết hôn có tìm hiểu tự nguyện đó là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ . Vì vậy chấp nhận đơn khởi kiện chị Vàng Thị L về việc giải quyết ly hôn với anh Ph, nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Về con: Quá trình chung sống, anh chị sinh được ba người con chung là Tráng Thị D, sinh ngày 15/07/2004, cháu Tráng Thị H sinh ngày 24/08/2015 và cháu Tráng Chấn Th sinh ngày 26/11/2019, nguyện vọng của chị L nếu được Tòa án giải quyết cho ly hôn chị sẽ nhường cho anh Tráng Quáng Ph chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tráng Thị D, Tráng Thị H và cháu Tráng Chấn Th đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. chị L tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cho ba cháu mỗi tháng là 500.000 đồng/người/ 01cháu. Tòa án đã yêu cầu anh chị lập cung cấp chứng cứ về mức thu nhập hàng tháng của chị L và anh Ph có mức thu nhập là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), Hiện nay ba cháu đang ở với bố hơn nữa tại các biên bản ghi ý kiến của hai cháu D và H đều có nguyện vọng ở với anh Ph còn cháu Th còn nhỏ không lấy ý kiến của cháu, để đảm bảo quyền của các cháu nên giao cho anh Ph chăm nom, nuôi dưỡng giáo dục ba cháu cháu Tráng Thị D và cháu Tráng Thị H và cháu Tráng Chấn Th đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Vì vậy nên áp dụng khoản 1, 2,3 điều 81; Khoản 1, 2, 3 Điều 82; Khoản 1, 2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326 của uỷ ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 tuyên về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn chị Tráng Quáng Ph theo quy định tại điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo tiếp cận công khai cứng cứ tống đạt hợp lệ anh Ph đã đến tham gia tiếp cận công khai chứng cứ. Tòa án đã thông báo hòa giải có tống đạt cho mẹ của anh Ph theo quy định nhưng anh Ph không tham gia hòa giải nên đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho mẹ anh Ph nhưng bị đơn Tráng Quáng Ph vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định ngày xét xử nhưng bị đơn Tráng Quáng Ph không có mặt. Chị vàng Thị L có đơn xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị L Anh Tráng Quáng Ph và chị Vàng Thị L lấy nhau vào năm 2014, và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh L. chị và anh đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống hai vợ chồng đã ly thân nhau. Trước khi kết hôn có tìm hiểu tự nguyện đó là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Vì vậy chấp nhận đơn khởi kiện chị Vàng Thị L về việc giải quyết ly hôn với anh Ph, nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

[3]. Về con: Quá trình chung sống, anh chị sinh được ba người con chung là Tráng Thị D, sinh ngày 15/07/2004, cháu Tráng Thị H sinh ngày 24/08/2015 và cháu Tráng Chấn Th sinh ngày 26/11/2019, nguyện vọng của chị L nếu được Tòa án giải quyết cho ly hôn chị sẽ nhường cho anh Tráng Quáng Ph chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tráng Thị D, Tráng Thị H và cháu Tráng Chấn Th đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. chị L tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cho ba cháu mỗi tháng là 500.000 đồng/người/ 01cháu. Tòa án đã yêu cầu anh chị L cung cấp chứng cứ về mức thu nhập hàng tháng của chị L và anh Ph có mức thu nhập là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), Hiện nay ba cháu đang ở với bố hơn nữa tại các biên bản ghi ý kiến của hai cháu D và H đều có nguyện vọng ở với anh Ph còn cháu Th còn nhỏ không lấy ý kiến của cháu, để đảm bảo quyền của các cháu nên giao cho anh Ph chăm nom, nuôi dưỡng giáo dục ba cháu cháu Tráng Thị D và cháu Tráng Thị H và cháu Tráng Chấn Th đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Vì vậy nên áp dụng khoản 1, 2,3 điều 81; Khoản 1, 2, 3 Điều 82; Khoản 1, 2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

[4]. Về tài sản: Chị L và anh Ph không yêu cầu nên không giải quyết,về khoản nợ anh, chị không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 nghị quyết 326/UBTVQH 14 của uỷ ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 tuyên về án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều khoản 1 Điều 56; Khoản 1, 2, 3 Điều 81; khoản 1, 2, 3 Điều 82; khoản 1, 2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xử:

Về hôn nhân: Xử chị Vàng Thị L được ly hôn anh Tráng Quáng Ph.

Về con: Giao các cháu Tráng Thị D sinh ngày 15/07/2014, Tráng Thị H sinh ngày 24/8/2015 và cháu Tráng Chấn Th sinh ngày 26/11/2019 cho anh Tráng Quáng Ph trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Vàng Thị L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho ba cháu Tráng Thị D, Tráng Thị H, Tráng Chấn Th mỗi cháu là 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng)/tháng kể từ 01/ 07/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Vàng Thị L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành ántheo mức lãi suất theo quy định tại điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.Chị Vàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) phí cấp dưỡng theo định kỳ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Ký hiệu BLTU/23P số 0001765 ngày 10/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.Chị Vàng Thị L còn phải nộp là 150.000 đồng

Chị Vàng Thị L và anh Tráng Quáng Ph vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh+ huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Thanh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu tập án
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hải Quân

-